

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	SO SÁNH (%)
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	4.977.134.000.000	6.216.613.888.975	124,9%
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH HUYỆN	5.229.081.000.000	6.287.001.199.758	120,2%
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO LĨNH VỰC	2.650.968.000.000	2.455.415.866.833	92,6%
	Trong đó:			
I	Chi đầu tư phát triển	359.989.000.000	229.544.546.233	63,8%
1	Chi đầu tư cho các dự án	359.989.000.000	229.544.546.233	63,8%
	Trong đó:			
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	0	27.713.169.318	
1.2	Chi khoa học và công nghệ	0	205.000.000	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	0	14.165.850.820	
1.4	Chi văn hóa thông tin	0		
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	0		
1.6	Chi thể dục thể thao	0		
1.7	Chi bảo vệ môi trường	0		
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	0	145.318.265.887	
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	0	6.987.970.402	
1.10	Chi bảo đảm xã hội	0		
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	0	0	
3	Chi đầu tư phát triển khác	0		
II	Chi thường xuyên	2.108.078.000.000	2.215.228.394.015	105,1%
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	350.702.000.000	371.140.597.392	105,8%
2	Chi khoa học và công nghệ	12.639.000.000	13.332.841.042	105,5%
3	Chi y tế, dân số và gia đình	789.023.000.000	832.976.531.738	105,6%
4	Chi văn hóa thông tin	71.461.000.000	56.396.478.395	78,9%
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	30.511.000.000	33.915.485.009	111,2%
6	Chi thể dục thể thao	15.678.000.000	14.308.136.586	91,3%
7	Chi bảo vệ môi trường	8.482.000.000	8.300.291.359	97,9%
8	Chi các hoạt động kinh tế	138.175.000.000	202.599.422.157	146,6%

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	SO SÁNH (%)
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	451.657.000.000	481.818.187.715	106,7%
10	Chi bảo đảm xã hội	27.587.000.000	30.042.274.403	108,9%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	608.000.000	362.926.585	59,7%
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000.000.000	2.000.000.000	200%
V	Dự phòng ngân sách	97.926.000.000		0%
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	83.367.000.000		0%
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		2.104.504.961.250	